

## PHẠM ĐÌNH BÁCH

### 1910 — 1968

*Phạm đình Bách là tên thật, biệt hiệu Hoa-sơn, sinh 12 tháng 9 năm Canh-tuất ( 1910 ) tại làng An-tây, huyện Quế-sơn, tỉnh Quảng-nam.*

*Thuở nhỏ ông học chữ Hán với phụ thân ; sau đổi bút lông ra bút sắt, thi vào trường Quốc-học Huế, theo học được hai năm, rồi cùng vài người bạn tổ chức cuộc bãi khóa vào năm 1926, bị bắt giam ba tháng. Sau đấy lại hoạt động cho đảng Tân Việt, cũng bị bắt giam lần nữa cùng với Đào duy Anh... vào năm 1928.*

*Sau một thời gian, ông được phóng thích, liền ra Hà-nội học trường Albert Sarraut, thi đậu bằng Tú-tài toàn phần Pháp năm 1934 ; tiếp tục học trường Luật một năm rồi phải bỏ học vào Sài-gòn vì lý do chính trị. Nơi đây ông viết giúp cho báo Tranh đấu của nhóm Thạch — Tào — Thâu (Trần văn Thạch, Nguyễn văn Tào, Tạ thu Thâu) và báo Sống của thi sĩ Đông-Hồ.*

*Rồi ông lại trở về Huế giúp việc cho chính phủ Nam-triều.*

*Biến cố năm 1945, là người dân Việt, ông bị chìm ngập trong những ngày đen tối của đất nước. Mãi đến năm 1954, hiệp định Genève được ký kết, ông về Huế tiếp tục văn nghiệp và dạy học để sinh sống.*

Tác phẩm của ông gồm có :

- Chưa động (thơ trữ tình), xuất bản năm 1954.
- Chuyện đất thiêng (viết để sánh với quyển sách Légende des terres sereines của Phạm Khiêm), xuất bản 1958.

Hai tác phẩm trên lẽ ra được xuất bản trước thời kỳ tiền chiến, nhưng thực dân Pháp không cho phép vì ông hoạt động chính trị.

- Văn thơ tiền hội, xuất bản năm 1955.
- Màu thời gian, xuất bản năm 1956.
- Văn thơ cò kính, xuất bản năm 1961.

Ba tác phẩm sau này sáng tác sau thời kỳ 1945.

Ngoài ra, Hoa-sơn Phạm đình Bách hiện đã hoàn thành nhiều bộ sách. Ông định sẽ in ra trước thi phẩm Chinh Nam, gồm 100 bài Đường thi sáng tác từ năm 1945 cho đến nay. Tác giả nghĩ với tập Chinh Nam sẽ đóng góp ích lợi cho văn học hơn tập Văn thơ cò kính vì nội dung phản ánh được tình trạng nước nhà trong những năm tao loạn.

Năm 1968, Phạm đình Bách mà cuộc đời là cả một dòng chiến đấu liên tục, đã bị chết thảm thương trong biến cố Xuân Mậu-thân và được an-táng tại Đà-nẵng.

« Xin hai ông Thanh-Tĩnh và Phạm đình Bách cho biết địa chỉ để chúng tôi gửi tặng báo và Mandat. »

Trên đây là lời ghi chú dưới hai thi bản được đăng trên Hà-nội báo số 5 ra ngày 5-2-1936 đề nhân tin hai thi sĩ đã chiếm giải nhất về cuộc thi thơ tháng Hai do báo ấy tổ chức.

Đọc hai tác phẩm và lời ghi chú, chúng tôi thấy như sau : Hai thi sĩ đều chiếm giải nhất đồng hạng. Xét theo thứ tự trong ghi chú, tên Thanh-Tĩnh đặt trước, tên Phạm đình Bách sau ; nhưng ở vị trí đăng thơ, thi bản Từ đấy của Phạm đình Bách trước, Lời cuối cùng của Thanh-Tĩnh

sau. Chúng tôi nghĩ : Tòa soạn Hà-nội báo một mặt làm vừa lòng cả hai thi sĩ, một mặt vẫn trung thành được ý muốn sắp xếp của mình. Bài Lời cuối cùng (hay Lời trời) của Thanh-Tĩnh gọi ta hình ảnh rõ rệt và tứ thơ gây được nhiều rung cảm, nhưng Lời cuối cùng lại là thi bản phỏng tác bài thơ Et s'il revenait un jour của thi sĩ Bỉ Maurice Maeterlinck. Trái lại Từ đấy là một thi bản sáng tác của Phạm đình Bách. (1)

Sự kiện cho ta một nhận định : Tiếng thơ của Phạm đình Bách có giá trị sáng tác ; còn của Thanh-Tĩnh có giá trị truyền cảm.

Sự nghiệp thi ca của Phạm đình Bách bắt đầu đi vào quảng đại quần chúng bằng bước chân danh dự ấy.

Nếu ở quyền Thượng các bạn đã rung động theo tiếng thơ của Thanh-Tĩnh qua bài chiếm giải nhất — Lời cuối cùng — ở đây chúng tôi xin giới thiệu thi bản đồng hạng của Phạm đình Bách :

### Từ đấy

Gặp em ở dưới góc trời xanh,  
Em đứng nhìn anh lưu luyến tình.  
Từ đấy ngày đêm anh qua lại,  
Nhà em vắng vẻ gió lay mình.

Năm tháng hay qua, bên nhà em,  
Vẫn thấy bóng anh đứng tựa rèm.  
Mà em nào biết anh vợ vẫn,

Dưới trướng em thường giắc mộng êm.

(1) Chúng tôi tưởng cũng nên ghi lại đôi chút thể lệ cuộc thi thơ lúc bấy giờ để các bạn hiểu qua trong lúc ngọn triều thơ mới đang nổi dậy động, các báo đua nhau tổ chức các cuộc thi văn thơ như thế là đã trực tiếp giúp phong trào văn học phát triển, khuyến khích những mầm thơ mới nảy, tạo được số lượng thi nhân ngày càng phong phú.

Sự thưởng thưởng những thi tài mới nổi của Hà-nội báo như sau : Giải nhất 10 đồng, nhì 5 đồng, ba và tư một năm báo ( = 1 đ. 30).

Để các bạn định được tầm giá trị quan trọng của giải thưởng, chúng tôi xin nêu phép làm một bản thống kê sơ lược sau đây :

Năm 1936 : Báo 32 trang giá : 3 xu.

Năm 1948 : Báo 32 trang giá : 10 đồng.  
và các bạn hãy chịu khó làm bài toán nhỏ nhỏ

Một đêm lặng lẽ anh kẻ đầu,  
Qua cửa trông vời bốn bề sâu.  
Anh thấy trăng lên soi quạnh què,  
Bóng em tha thướt dưới tơ sầu.

Em đứng rồi em đưa mắt trông,  
Hai người bờ ngõ ý chưa thông.  
Gặp nhau chẳng dám lời han hỏi,  
Thồn thức anh quên ngỏ chút lòng.

Từ đây ngày đêm anh vẫn qua,  
Nhà em vắng vẻ đượm sầu pha.  
Mỗi trông cửa kín, tường cao cấm,  
Chờ lúc đêm tan bóng nguyệt tà.

Ra về phủi áo giọt sương rơi.  
Tợ đĩa con chiên mẩn Chúa Trời.  
Qua chốn mộ tàn tìm dấu cũ,  
Đăm đường trở lại dọ đây vơi.

Nhớ bóng xa xăm trong tắc gang,  
Anh đi ngừng lại. Phút mơ màng,  
Thấy em tựa cửa đương theo dõi,  
Người khách điêu linh, bước lờ làng.

Tưởng tượng chưa tan, ngọn gió mai,  
Rung mảnh ảo mộng, lá lay rơi.  
Lìa cây vàng úa, gieo đường vắng,  
Phút chốc lòng anh cũng rã rời.

Đến nay chán nản hết trông mong.  
Ôm ấp tình xưa trong khối lòng.  
Anh đã gieo thân vào cát bụi,  
Tuyệt vời mây nước kiếp mệnh mong. (1)

(Giải thưởng Hà-nội báo, 2.1936)

Khảo sát, chúng tôi thấy thi bản *Từ đây* của Phạm đình Bách vắng vắng cung điệu *Tiếng gọi bên sông* hay *Giấy phút chạnh lòng* của tác giả *Mấy vần thơ*. Từ hình ảnh người

chính phu của Thế-Lữ đang «dấn bước truân chuyên khắp hải hồ» và cũng đang «cười phen thất bại khinh nguy hiểm», lại còn kiêu hãnh tự hào:

*Trong thuở bình sinh đôi mắt ta  
Không hề cho đắm lệ bao giờ.*

(*Tiếng gọi bên sông* — Thế-Lữ)

thế mà chỉ vì đôi câu hát réo rắt bên kia sông đã khiến khách chính phu mềm lòng, tê tái; cho được quân bình lại trạng thái sinh hoạt bình thường, người chính phu của Thế-Lữ đã phải bậm gan:

*Đau lòng rút mối tơ vương vấn,  
Nước mắt đầu tiên là chã rơi.*

(*Tiếng gọi bên sông* — Thế-Lữ)

bởi vì:

*Chi nặng bốn phương trời nước rộng  
Từ nay thêm bận nỗi thương ai.*

(*Tiếng gọi bên sông* — Thế-Lữ)

Trái lại, người khách giang hồ của Phạm đình Bách đã vẩn vơ tơ vương rồi mới cất bước lưu ly. Hai cảnh huống trái ngược. Ta thấy con người giang hồ của Phạm đình Bách ý chí sắt đá hơn.



Nhận xét tiếng thơ Phạm đình Bách, chúng ta có thể phân chia hai dòng: Tân và Cựu.

Giờ, hãy nói dòng «Tân» trước.

Hòa với nhịp bước rập rờn của thể thơ mới, Phạm đình Bách đã cấu tạo thi bản như *Lầu đài trên không* và *Hồ tĩnh tâm v. v...* chứng tỏ thi sĩ Hoa-Sơn là một tín đồ của phái mộng mơ, triền miên theo dòng thơ dằng dặc; mỗi thi bản là một chuyện tâm tình được phổ nhạc thơ, lời cuốn hồn thơ quện theo từ một quá khứ đến hiện tại. Một hiện tại của u buồn, trống rỗng gần như cô độc của một người thơ ngồi mãi dưới ánh trăng chênh mong tìm gặp lại bóng hình ngày nào của người con gái mẩn yêu. Thời gian nhẹ cánh bay như gió thoảng, có cái xuân hồng nào bên gan chờ đợi

1) Chúng tôi ghi chép theo bản đã được tác giả sửa chữa ngày 4-11-1967.

thi nhân đề sánh bước quanh hồ ngắm mùa sen nở đề phải túi hồ với hoa. Kiếp hoa và kiếp người nào khác chi nhau, nở đề rồi tàn tạ.

Ba mùa đã rụng, ngày tháng đủ dài cho đôi chim vành khuyên sinh nở mấy lớp chim non. Vậy thi nhân hãy « bình lòng » ngồi lại bên hồ « Tĩnh tâm » mà suy nghiệm lẽ sinh sinh hóa hóa của vạn vật.

Trong *Lâu đài trên không*, thi nhân đã dệt một giấc mộng tình. Thi nhân muốn xây đắp cho người yêu một lâu đài « nguy nga, rực rỡ » trên chín tầng thượng giới ; nơi đó đôi tình nhân sẽ say đắm trong hạnh phúc nghìn đời ; nơi đó hồn và thể thoát nhẹ khỏi phiền lụy khi nghe khúc tiên ca. Thi nhân còn vẽ lên những cảnh với người yêu :

*Ta sẽ vẽ những nơi rực rỡ, nguy nga,  
Anh đã vì em trang hoàng lòng lã.  
Rồi trên lầu hồng, gác tía lặng nhìn lửa cháy.  
Của mặt trời phun đốt các ngôi sao ;  
Em cùng anh liếc mắt nhìn vào,  
Những thể giới mệnh mông trong không gian vô hạn.*

Quả là một cảnh huyền mơ, nhưng người yêu của thi nhân từ chối, vì :

*Cảnh Bồng-lai của anh trên tiên giới,  
Em điềm nhiên chẳng dám mơ màng,  
Vì anh nhọc lòng xây đắp trên không.  
Em chỉ sợ gió qua, liền đổ nát  
Như lâu đài chúng ta một hôm trên bãi cát.*

« Nhưng những cái hữu hình mà em cho là thực ở trần giới nào có hơn gì :

*Ôi ! bao nhiêu cảnh huy hoàng nơi thượng giới,  
Em không muốn cùng anh vui tới,  
Lại ham điều tục lụy của trần gian.  
Nhưng trước mắt em, muôn vật vẫn rơi tàn. »*

*Lâu đài trên không* mà ý nghĩa chung cuộc cho ta rút một tình lý : Mộng và Thực ở cõi đời này chỉ là một ; nó là cái không sắc, sắc không của nhà Phật.



Bây giờ chúng tôi xin luận qua dòng thơ Đường của Phạm đình Bách. Sau khi tấu lên những hồi nhạc thơ theo cung điệu tân kỳ và được lắm khách yêu thơ ái mộ, Phạm đình Bách liền quay lại bến đò xưa, tỏ một lòng thủy chung cùng thơ Đường luật.

Nếu một Quách Tấn đã nói : « *Đối với thơ, tôi không tách biệt « mới » và « cũ ». Tôi lựa thể Đường luật vì thấy hợp với tâm hồn mình.* »

Thì Phạm đình Bách nhận xét rằng : « ... hiện nay thấy người đời ai nấy cũng theo dõi cái mới ở phương Tây và quên mất cái cũ ở phương Đông. »

và vì :

*« Đường thi lại còn là cái tinh hoa của sông núi, cái khí hạo nhiên của vũ trụ, một thứ bóng thơm cô lệ đã này nọ lẫn đầu tiên trong thời kỳ trung cổ ở trên bờ sông Hoàng-hà và Dương-tử-giang. »*

Thi nhân chỉ « tiếc cái gia sản của Tổ-tiên » nên noi theo sự nghiệp chớ không có cao vọng như đã nói trong *Thầy lời tựa của tập Văn thơ cổ kính* :

*« Bĩ nhân không bao giờ có cái tham vọng tiến tới những chỗ siêu việt trong nghệ thuật làm thơ, cũng không cưỡng đại gì mà tưởng rằng mình sẽ có thể đạt tới cái đỉnh cao nhất trong dãy Hy-mã. »*

Tiếng thơ Đường luật của Phạm đình Bách cũng mang một cung điệu buồn thương gần với tác giả *Mùa cỏ diên* họ Quách ở giai đoạn thơ từ 1945, nhưng đề tài của họ Phạm rộng rãi hơn.

Trong hồi khói lửa của nước nhà, hai nhà thơ ôm chung một nỗi niềm ưu ân, buồn đau, lắm khi uất nghẹn : hồn thơ của họ chảy ra trên nền giấy ta tưởng chừng như dòng lệ lòng của những nạn nhân quân quai trong hành động diên rồ và bi đỗi của nhân loại.

*Giữa phố nhà nghiêng còn gượng gạo,  
Mấy hàng lữ đứng trơ vơ.*

Đạp đổ, bắn phá, giết chóc, máu đã chảy loang lòng đất.  
Nhìn lũy sắt trơ vơ, ngôi nhà xiêu vẹo như những tang vật  
tổ cáo một mùa sắt và máu :

*Bình lửa mười năm tan gổi mộng ;  
Nước non một phút hóa dâu cùn.*

đã khiến cho :

*Cô em ra đứng bên thềm vắng;  
Nhìn bóng tang thương dạ thẫn thờ.*



Lược qua hai dòng thơ của Phạm đình Bách, dòng lãng mạn ta hãy coi đó như tiếng phụ họa cho nền thơ mới, dòng Đường-thi mới là tiếng lòng đích thực mà thi sĩ Hoa-Sơn đã ký thác trọn vẹn nỗi niềm của một kiếp đời đối với bản thân cũng như đối với quốc gia dân tộc.



## Thi huyền

### Lâu đài trên không

*Những buổi bình minh sáng rạng,  
Anh muốn vì em xây đắp một tòa lâu,  
Nguy nga, rục rờ đủ muôn màu,  
Trong không gian tuyết vời xa thẳm.  
Rồi bên trời chúng ta say đắm :  
Cùng nhau ta chấp cánh cao bay,  
Như sợi lông hồng trước gió lung lay,  
Và như chiếc quỳên thẳng đường bay bổng,  
Cùng nhau ta vượt trời lồng lộng ;  
Đất tay nhau ta qua chín tầng mây :  
Dưới chân ta gió nhẹ hây hây,  
Thời nhạc trầm đề đưa em về tiên giới.  
Ta trông chừng muôn vạn người ra đứng đợi,  
Bên Ngân-giang mà nháy khúc thần tiên,  
Đề cho em phai nhạt nỗi ưu phiền.  
Và những khi vui cười hớn hở,  
Cùng nhau bên trời ta vờn gió ;  
Ta bay đi, bay tít tận mù xa ;  
Ta sẽ về những nơi rục rờ, nguy nga.  
Anh đã vì em trang hoàng, lồng lộng.  
Rồi trên lầu hồng, gác tía lặng nhìn lửa cháy,  
Của mặt trời phun đốt các ngôi sao ;  
Em cùng anh liếc mắt nhìn vào,  
Những thế giới mệnh mông trong không gian vô hạn.  
Em say đắm... Phút thần tiên lãng mạn,  
Bên tai em, anh sẽ nói dịu dàng,  
Đề nhắc cho em những phút mơ màng.  
Lúc cùng nhau âm thầm nơi hạ giới,  
Tiếng sóng vỗ ghềnh đá kêu gọi,  
Trong lòng ta bao vẻ đẹp thiêng liêng.  
Của vũ trụ kia bắt đi, bắt diệt miên miên.*

Những buổi bình minh sáng rạng,  
 Anh muốn vì em xây đắp một tòa lâu,  
 Ngụy nga, rục rờ đủ muôn màu,  
 Nhưng lạnh lùng với bao nhiêu điều ao ước,  
 Trước mãnh, trên lá thu rơi, em tha thướt.  
 Rồi lặng nhìn nhau, em sẽ nói ngơ ngàng,  
 Giọng khô khan như tiếng thờ, nhẹ bên đàng  
 Của người bị thương lim dim trong giấc mộng :  
 « Anh ! Mới ngày nào anh còn muốn sống,  
 « Sống cho em quên những giờ đau đớn đã qua.  
 « Nay anh mơ màng những trời lộng lẫy, xa hoa  
 « Trên chín tầng mây tuyết vời, man mác.  
 « Anh còn nhớ phút thân tiên trên bãi cát ?  
 « Tiếng sóng vỗ ghềnh ầm ầm, lúc cạnh tan ?  
 « Dưới trăng rằm vàng vạc anh lệ lãnh,  
 « Vì em xây đắp bao lâu dài rục rờ.  
 « Nhưng lần sóng vô tình liền xóa bỏ,  
 « Bao công trình hũ hời, lúc cạnh khuya. »



Những lúc bình minh sáng rạng,  
 Anh muốn vì em xây đắp một tòa lâu,  
 Ngụy nga, rục rờ đủ muôn màu,  
 Nhưng than vãn bên tai anh, em vẫn nói :  
 « Cảnh Bồng-lai của anh trên tiên giới,  
 « Em điem nhiên chẳng dám mơ màng  
 « Vì anh nhọc lòng xây đắp trên không.  
 « Em chỉ sợ gió qua, liền đổ nát  
 « Như lâu đài chúng ta một hôm trên bãi cát. »

Rồi lạnh lùng ta gượng đứng bên người,  
 Lòng tiếc thương bao nhiêu cảnh tuyết vời  
 Ta trông thấy trong không gian khi tưởng tượng

Nay ta không mong cùng em sung sướng,  
 Cảnh tượng bồng mới mẻ khoảng trời xa.  
 Ta không nghe tiếng rơi muôn vạn sao sa,  
 Lúc đêm tối vạch tấm màn sáng đỏ.  
 Ta không biết khúc đàn du dương, to nhỏ  
 Những đêm trường thánh thốt chốn cung mây,  
 Cửa muôn nghìn tiên nữ lệ lòng bay.  
 Ồ ! bao nhiêu cảnh huy hoàng nơi thượng giới,  
 Em không muốn cùng anh vui tới,  
 Lại ham điều tục lụy của trần gian.  
 Nhưng trước mắt em, muôn vật vẫn rơi tàn.  
 (Hà nội báo năm 1936)



### Hẹn không gian

Ở chốn sao Hôm em cách biệt,  
 Trần gian buồn bã viết đôi câu.  
 Bữa nay gió thổi nơi trời Việt,  
 Dem lại hương nồng Nhạc-dương-lâu.  
 Anh còn mãi miết ngoài biên trấn,  
 Hòm sớm vui buồn chẳng có ai.  
 Anh nhớ em ôi trời nước Tấn,  
 Với mây bên Sở, núi bên Tần.  
 Anh theo Lưu Bang vào Ba-thục,  
 Ngồi trên Vu-giáp ngắm Tiêu-tương.  
 Anh nhớ một hôm chơi Ngũ-nhạc,  
 Tìm núi Thái-sơn ta lộn đường.  
 Mà nay em vắng, anh xa vắng,  
 Sao Hôm le lói một phương trời.  
 Nhân gian náo nhiệt, không gian lặng,  
 Gặp gỡ bao giờ hờ em ơ ?  
 Anh ngồi mỗi sáng chờ cơn gió,  
 Dem sóng không gian đến cả phòng.  
 Anh đợi tin em nhưng chẳng có,  
 Anh buồn em hờ biết hay không ?

Mùa thu năm 1934

(Viết khi lưu trú tại Long-châu)

## Hồ Tịnh-tâm

Có những bữa em Chi không sai hẹn,  
 Tôi lại vào chơi cảnh Tịnh-tâm.  
 Có chiều xuân, trời đương nắng lâm thâm,  
 Nàng cùng tôi giăng hồ trong quang vắng.  
 Tiếng cuộc gọi hè, tiếng tiêu xa vắng,  
 Muôn hoa sen đua nở rộn bên đường.  
 Cảnh tượng bừng phút chốc đời yêu đương  
 Giữa lòng tôi sớm mai còn trong treo.  
 Tôi còn mãi theo dấu chân chim sáo,  
 Đoàn le le, vịt nước ở quanh hồ.  
 Nơi xa xăm mấy hòn đảo nhấp nhô,  
 Có một bãi cầu tre nằm im phất.  
 Nàng liền hỏi : « Suốt từ Nam chí Bắc,  
 « Còn cảnh nào đẹp để tợ Thần-kinh ?  
 « Và cảnh nào lặng lấy lúc bình minh,  
 « Hơn mặt hồ nằm im trong nắng mới ? »  
 Rồi mãi nhìn nhau, chúng tôi đi tới,  
 Một con đường cỏ rậm mọc nghiêng ngang.  
 Trong sương mai, cảnh lặng, gió chưa sang.  
 Hàng tre ngủ, lòng người thêm lặn đặng.  
 Khắp quanh hồ có tường cao ngăn chắn,  
 Như Trường-thành đứng ngự mọi Hung-nô.  
 Tôi theo nàng trong những bước quanh co ;  
 Chân vướng phải dây bìm bìm chẳng chệch.  
 Nơi góc tường có bầy chim riu rít,  
 Bỗng tung lên ca hát điệu buồn thương.  
 Nàng bảo tôi đứng lại. Giữa cảnh sương  
 Có một tờ vành khuyên vừa mới đóng.  
 Rồi thời khắc bay qua như chong chóng,  
 Ba năm sau tôi trở lại chốn Đê-dô ;  
 Nàng về đâu không thấy đạo mặt hồ ;  
 Và chim nở đã chuyển bay đâu mất.  
 Chỉ rặng liễu đông về buồn hiu hắt.

Nghe sương qua rũ áo đứng chờ tang.  
 Và chim le le sợ lạnh xếp từng hàng,  
 Đương lướt sóng vẫy vùng trên mặt nước.  
 Tôi lặng lẽ một mình theo dấu bước :  
 « Đây chỗ nàng ngồi, nàng đứng năm xưa.  
 « Nhưng nàng đâu hỡi ngày tháng dây dưa ?  
 « Hãy trả lại với mặt hồ im lặng. »  
 Tịnh-tâm ôi ! Nơi muôn năm cay đắng,  
 Nàng về đâu, người có biết cho chăng ?  
 Đề ta buồn ngồi mãi dưới cung trăng.

Mùa thu năm 1935



## Chim họa khoang

Đây là chuyện mẹ tôi kể lại,  
 Những chiều đông, ngồi nhóm lửa săng.  
 Thời xưa ở đôi bên sông Ngăn,  
 Có tiếng thoi đưa đều răn rạc.  
 Nàng Chức-nữ, con vua Thượng-đế,  
 Dừng tay tiên ngàm gà Nguru-lang.  
 Trên bãi xanh trâu lướt nhịp nhàng,  
 Vài tiếng sáo bên trời vắt vẻo.  
 Rồi từ đấy lòng nàng khô héo :  
 Nàng tương tư, nàng nhớ, nàng mong.  
 Vua Ngọc-hoàng biết thế không xong,  
 Cũng sớm liệu cho nàng gá nghĩa.  
 Một buổi tối mây về gác tía,  
 Chàng Nguru-lang, Chức-nữ kết duyên  
 Nhưng từ đây lại bật tiếng huyền,  
 Nguru-lang cũng theo đòi Chức-nữ,  
 Xua ánh, nguyệt hai người khép cửa,  
 Đề tháng ngày trôi nổi ngoài sông.  
 Trên xa quay nhện dệt tơ lòng,  
 Trâu dưới bãi đi về lêu lổng,

Dấng Cửu-trùng đòi phen gắt gông,  
 Khiến hai người phải tạm ly thân.  
 Nhưng mỗi năm lại gặp một lần,  
 Xong đôi lứa lui về chốn cũ.

Tiết tháng bảy quạ đen rời tổ,  
 Lên sông Ngân bắc chiếc cầu Ô.  
 Giữ lời thi Chức-nữ thướt tha,  
 Ra Ngân-hán bên cầu giáp mặt.  
 Lời chưa dứt, đôi bên tạm biệt,  
 Trở về cung, Chức-nữ băng khuâng.  
 Còn ba canh, giọt lệ khôn ngăn,  
 Ngưu-lang cũng sụt sùi to nhỏ.  
 Hai dòng máu rơi về quá khứ,  
 Khắp nhân gian đều có mưa Ngâu.  
 Đôi uyên ương từ thuở xa nhau  
 Kề Giang-tả ngồi quay chỉ thắm,  
 Chàng mục từ bên đông đứng ngắm,  
 Vầng trăng khuya khuy khuyet từng cơn  
 Đoàn chim Ô từ độ tắm Ngân-giang,  
 Đêm thất tịch vội rời tiên cảnh.  
 Trên cò thấy hiện đàn khoang trắng,  
 Chim bay về đậu khắp đề con.  
 Quạ khoang về, trời đã sang xuân.

Mùa xuân năm 1936



### Thu tứ

Hoa ần bên tường, nguyệt chứa xâm,  
 Mười năm ly loạn, khách thương tâm.  
 Bốn phương tiếng cuộc còn ngân mãi;  
 Muôn thuở lòng ve vẫn xót thâm.  
 Nửa giấc canh tàn, mơ phần điệp;  
 Một chiều hoa tạ, nhớ viên âm.  
 Nghe chuông bảy tiếng, sầu năm kiếp,  
 Lỡ một dò ngang, mây xác tằm.



### Thu cảm

Bảy năm len lỏi chốn rừng sâu,  
 Ngoảnh lại non sông đã nhuộm màu.  
 Sự nghiệp chỉ còn thơ nửa túi;  
 Giang hồ đã vắng chuyện năm châu.  
 Đôi hàng hoa lệ, duyên năm trước;  
 Nửa nếp phong y, nợ buổi đầu.  
 Phưởng phất mây chiều lên đỉnh núi,  
 Trông vời cố quốc, mấy ngàn đầu.



### Khứ lưu vị định

Đi không ra lối, ở không yên,  
 Bèo giạt, mây trôi, nước tửu phiền.  
 Núi dựng mịt mù, người một nẻo;  
 Chiều lên vì vút, gió đôi miền.  
 Bồn chồn nửa kiếp, tình ngư thủy;  
 Lặn dạn mười năm, cảnh trích tiên.  
 Ngoảnh lại Trường-an, sương khói tỏa,  
 Chiếc gòn người đầy chạy lên miền. (1)



### Xuân tác

Năm nay tứ đã chẵn năm mươi,  
 Thành bại, dinh hư tứ vẫn cười.  
 Ngày lun xem sao, mơ Chức-nữ;  
 Tháng tròn khép cửa, già đười ươi.  
 Thiên văn học mãi, nhân không sáng;  
 Chính trị xem rồi, quả chẳng tươi.  
 Xuân nhật ngồi trông hoa pháo nở,  
 Mắt xanh chẳng để lọt bao người.



1) Xe «gòn» là xe không có đầu máy chạy trên đường rầy, do nhân viên sở Hỏa-xu đẩy và dùng để chở hành khách.

## Thu hoài

Trăng vừa qua núi biết thăm ai,  
 Bèo nổi, mây trôi, nước chảy hoài.  
 Giặc đến bốn phương sàu tử biệt,  
 Người tan mấy nẻo hận sinh lai.  
 Sông Tiên bao độ thương mình cúc;  
 Núi Nhón đòi phen tuổi vốc mai.  
 Từ thuở chiến khu thừa bóng nhận,  
 Canh trường mài lệ chép thư trai.



## Đòi mùa

Thu vẽ trên lá liêu  
 Đình chiến vẫn cơn mơ.  
 Lưng đèo thấp gác triển miên ngủ  
 Nẻo vắng đồn hoang nhện kéo tơ.  
 Giữa phố nhà nghiêng còn gương gạo,  
 Mấy hàng lũy sắt đứng tươ vờ.  
 Thời xưa chinh chiến hoa người rụng,  
 Nay lại chiều thu gió ớm ờ,  
 Vài đóa ti-gôn vừa chớm nở,  
 Điềm đầu ló cốt tỏa hương thơ.  
 Cô em ra đứng bên thềm vắng,  
 Nhìn bóng tang thương dạ thẩn thờ.



## Hương-bình tức cảnh

Một thuở chàng đi khuất nẻo xa,  
 Có người nằm đợi dưới trăng tà.  
 Thơ sàu mấy bức; thuyền đi lại;  
 Lệ thấm đôi dòng; nước chảy qua.  
 Cầm nổi sóng Hương cơn gió tập;  
 Thương tình núi Ngự lúc sương pha.  
 Từ phen người biến thành sông núi.  
 Thơ vẫn theo dòng, lệ vẫn sa.



## Thất thủ

Một bữa Trường-an bị vết nhơ,  
 Cỏ cây, sông núi cũng đen mờ.  
 Người về nẻo phố tiêu điều cảnh;  
 Sầu lại cung môn phẳng lặng tờ.  
 Nước cũ ngậm ngùi trông áo mới;  
 Quyên già thoi thóp khóc con thơ.  
 Bốn phương từ đây nghe chinh chiến,  
 Máu chảy hoen đồng, rỉ phấm tơ.



## Thồn thức

Mái rèm thồn thức khóc thương ai,  
 Giọt lệ năm canh cứ nhỏ hoài.  
 Dắt túi duyên xưa khi lẻ một;  
 Trời buồn phận cũ lúc hòa hai.  
 Tiếng tiêu đã dứt niềm trăng gió;  
 Câu chuyện còn ghi cảnh trúc mai.  
 Nhớ thuở tương tư nên rướm lệ,  
 Kim-đồng, Ngọc-nữ khóc Thiên-thai.

